

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-ST

Ngày: 05-5-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 581/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, các Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 và số 104/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N;**

Địa chỉ: Phường C, Quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – Tổng giám đốc Ngân hàng N;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T1** - Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Minh K** – Phó Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* - Ông **Lê Văn Tiếng P**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Lê Kim T**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn C ủy quyền cho bà Lê Kim T tham gia tố tụng tại Tòa án (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 31/3/2025)

(Ông K có mặt, ông P và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Nguyễn Minh K trình bày:

Ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T (trong đó ông C và bà T ủy quyền cho ông P theo Hợp đồng ủy quyền số 2022.07.08.053A ngày 07/3/2023) có ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202301124 ngày 07/3/2023 với Ngân hàng N - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre, theo đó ông P, ông C và bà T vay Ngân hàng số tiền là 550.000.000 đồng; mục đích vay là cải tạo vườn; chăn nuôi bò, dê; giải ngân ngày 07/3/2023; thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: kỳ 1 ngày 05/3/2024 trả 60.000.000 đồng, kỳ 2 ngày 05/3/2025 trả 65.000.000 đồng, kỳ 3 ngày 05/3/2026 trả 75.000.000 đồng, kỳ 4 ngày 05/3/2027 trả 80.000.000 đồng, kỳ 5 ngày 05/3/2028 trả 270.000.000 đồng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/3/2028; nợ lãi trả 03 tháng/lần trên dư nợ gốc; lãi suất 11,5%/năm, lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận; lãi chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông P có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.08.465/HĐTC ngày 28/10/2022, sau đó ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.08.053/HĐSD,BS ngày 07/3/2023, theo đó ông P thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 246 có diện tích 3.563,7m², tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên thửa đất này theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 977001 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/10/2022 cho ông P.

Sau khi nhận toàn bộ số tiền vay, đến kỳ hạn trả nợ lần 1 vào ngày 05/3/2024, ông P, ông C và bà T phải trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng ông P đã đề nghị Ngân hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Ngân hàng đồng ý và đã lập kế hoạch trả nợ cho số tiền vay 550.000.000 đồng của ông P, ông C và bà T như sau: kỳ 1 ngày 05/9/2024 trả 60.000.000 đồng, kỳ 2 ngày 05/3/2025 trả 65.000.000 đồng, kỳ 3 ngày 05/3/2026 trả 75.000.000 đồng, kỳ 4 ngày 05/3/2027 trả 80.000.000 đồng, kỳ 5 ngày 05/3/2028 trả 270.000.000 đồng.

Sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, đến ngày 05/9/2024, ông P, ông C và bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng

họ không thực hiện. Ngân hàng đã nhiều lần phối hợp cùng UBND xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre yêu cầu họ trả nợ cho Ngân hàng thì đến ngày 09/9/2024, ông P, ông C và bà T chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, không đóng tiền lãi và cam kết hẹn trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện mặc dù Ngân hàng đã làm việc nhiều lần.

Do ông P, ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu ông P, ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 05/5/2025 là 612.884.715 đồng, trong đó tiền gốc là 530.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 80.769.041 đồng, tiền lãi quá hạn là 921.267 đồng, lãi chậm trả là 1.194.407 đồng và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/5/2025 cho đến khi trả hết nợ.

- Trường hợp ông P, ông C và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 246 có diện tích 3.563,7m², tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất.

Về chi phí thu thập chứng cứ thì yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn bà Lê Kim T trình bày:

Bà, ông C và ông P (trong đó bà và ông C ủy quyền cho ông P) có vay số tiền 550.000.000 đồng tại Ngân hàng N - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre, ông P có thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 246 có diện tích 3.563,7m², tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng.

Ông P có trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 530.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên bà, ông C và ông P không có khả năng trả nợ tiếp cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện, bà, ông C và ông P đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 530.000.000 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 26/02/2025 là 70.401.370 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 27/02/2025 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng thì bà, ông C và ông P đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ. Tuy nhiên, bà, ông C và ông P xin được tự bán tài sản thế chấp là thửa đất số 246 trả nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết

định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng các bị đơn ông P và ông C đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T không tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt không có lý do tại các phiên tòa ngày 14/4/2025 và ngày 05/5/2025. Các bị đơn ông P và ông C không tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông P, ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 05/5/2025 là 612.884.715 đồng, trong đó tiền gốc là 530.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 80.769.041 đồng, tiền lãi quá hạn là 921.267 đồng, lãi chậm trả là 1.194.407 đồng và liên đới trả số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 06/5/2025 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông P, ông C và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 246 có diện tích 3.563,7m², tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T liên đới trả số tiền đã vay cho Ngân hàng; ông P, ông C và bà T hiện đang cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Các bị đơn ông P, ông C và bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông P, ông C và bà T.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Ông P, ông C và bà T (trong đó ông C và bà T ủy quyền cho ông P theo Hợp đồng ủy quyền số 2022.07.08.053A ngày 07/3/2023) có ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202301124 ngày 07/3/2023 với Ngân hàng N - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre, theo đó ông P, ông C và bà T vay Ngân hàng số tiền là 550.000.000 đồng; mục đích vay là cải tạo vườn; chăn nuôi bò, dê; giải ngân ngày 07/3/2023; thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: kỳ 1 ngày 05/3/2024 trả 60.000.000 đồng, kỳ 2 ngày 05/3/2025 trả 65.000.000 đồng, kỳ 3 ngày 05/3/2026 trả 75.000.000 đồng, kỳ 4 ngày 05/3/2027 trả 80.000.000 đồng, kỳ 5 ngày 05/3/2028 trả 270.000.000 đồng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/3/2028; nợ lãi trả 03 tháng/lần trên dư nợ gốc; lãi suất 11,5%/năm, lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận; lãi chậm trả là 10%/năm.

Sau khi nhận toàn bộ số tiền vay, đến kỳ hạn trả nợ lần 01 vào ngày 05/3/2024, ông P, ông C và bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng ông P đã đề nghị Ngân hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Ngân hàng đồng ý và đã lập kế hoạch trả nợ cho số tiền vay 550.000.000 đồng của ông P, ông C và bà T như sau: kỳ 1 ngày 05/9/2024 trả 60.000.000 đồng, kỳ 2 ngày 05/3/2025 trả 65.000.000 đồng, kỳ 3 ngày 05/3/2026 trả 75.000.000 đồng, kỳ 4 ngày 05/3/2027 trả 80.000.000 đồng, kỳ 5 ngày 05/3/2028 trả 270.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông P có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.08.465/HĐTC ngày 28/10/2022, sau đó ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.08.053/HĐSD,BS ngày 07/3/2023, theo đó ông P thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 246 có diện tích 3.563,7m², tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên thửa đất này theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 977001 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/10/2022 cho ông P. Các hợp đồng trên được chứng thực tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông K, bà T đều thừa nhận các Hợp đồng và việc cơ cấu lại thời gian trả nợ trên. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông P và ông C đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông P và ông C đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Như vậy, có căn cứ xác định các Hợp đồng trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên,

đúng theo quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo thỏa thuận tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202301124 ngày 07/3/2023 thì khách hàng hoặc bên đảm bảo vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng mà không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp thuận thì Ngân hàng được quyền tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký, ông P, ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể: sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, đến ngày 05/9/2024 ông P, ông C và bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng họ không thực hiện; đến ngày 09/9/2024, ông P, ông C và bà T chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, không đóng tiền lãi và cam kết hẹn trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện mặc dù Ngân hàng đã làm việc nhiều lần. Bà T thừa nhận bà, ông C và ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như trên. Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ ông P và ông C đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông P và ông C đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P, ông C và bà T liên đới trả số tiền tính đến ngày 05/5/2025 tổng cộng là 612.884.715 đồng và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/5/2025 đến khi ông P, ông C và bà T trả hết nợ cho Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tại điểm a khoản 1 Điều 8 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.08.465/HĐTC ngày 28/10/2022, các bên thỏa thuận Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng cấp tín dụng mà khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký, ông P, ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như đã phân tích ở trên nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí thu thập chứng cứ là 100.000 (một trăm nghìn) đồng do ông P, ông C và bà T phải liên đới chịu, nhưng Ngân hàng đã nộp xong nên ông P, ông C và bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng + 4% (612.884.715 đồng – 400.000.000 đồng) = 28.515.389 đồng do ông P, ông C và bà T phải liên đới nộp.

Tuy nhiên, ông C và bà T đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N:

Buộc ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vay tính đến ngày 05/5/2025 tổng cộng là 612.884.715 (sáu trăm mười hai triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm mười lăm) đồng, trong đó: số tiền gốc là 530.000.000 (năm trăm ba mươi triệu) đồng, số tiền lãi trong hạn là 80.769.041 (tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một) đồng, số tiền lãi quá hạn là 921.267 (chín trăm hai mươi một nghìn hai trăm sáu mươi bảy) đồng, số tiền lãi chậm trả là 1.194.407 (một triệu một trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ bảy) đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202301124 ngày 07/3/2023 ký với Ngân hàng N – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T còn phải liên đới tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202301124 ngày 07/3/2023 ký với Ngân hàng N – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre kể từ ngày 06/5/2025 cho đến khi ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T trả hết nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.08.465/HĐTC ngày 28/10/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.08.053/HĐSD,BS ngày 07/3/2023 ký với Ngân hàng N – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 246 có diện tích 3.563,7m², tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 977001 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/10/2022 cho ông Lê Văn Tiếng P.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ là 100.000 (một trăm nghìn) đồng do ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T phải liên đới chịu, nhưng Ngân hàng N đã nộp xong nên ông Lê Văn Tiếng P, ông Lê Văn C và bà Lê Kim T phải liên đới trả lại cho Ngân hàng N số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.505.000 (chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn) đồng, buộc ông Lê Văn Tiếng P phải nộp.

Ông Lê Văn C và bà Lê Kim T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.748.000 (mười ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007530 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến